

Hợp tác thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

PGS.TS. PHÙNG THỊ HUỆ
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Thúc đẩy và phát triển hợp tác kinh tế thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) đang là mối quan tâm lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước. Vì rằng, nó không chỉ liên quan trực tiếp đến tương lai phát triển kinh tế – xã hội của các khu vực ven biên giới, mà còn ảnh hưởng rất quan trọng đến mối quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Trung Quốc. Điều đó được thể hiện rõ nét trong sự nhất trí cao của Chính phủ hai nước về ý tưởng xây dựng hợp tác Hai hành lang một vành đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc. Nhiều năm trở lại đây, chính quyền hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và các thành phố, huyện thị Quảng Tây (Trung Quốc) đã hết sức tích cực gặp gỡ, bàn thảo, tìm biện pháp thúc đẩy nhanh chóng và hiệu quả các lĩnh

vực hợp tác song phương, đặc biệt là hợp tác kinh tế thương mại. Với nhiều ưu thế và mục tiêu chung, nếu cả hai bên cùng nỗ lực tìm kiếm các giải pháp tích cực thì chắc chắn quan hệ kinh tế thương mại và hợp tác trên các lĩnh vực khác giữa Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) nhất định sẽ đạt tới mục tiêu mà hai bên cùng hướng tới.

1. Tầm quan trọng của quan hệ hợp tác thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây

Trước hết cần khẳng định, đây là mối quan hệ mang ý nghĩa chiến lược đối với cả Việt Nam và Trung Quốc, bởi những lý do sau:

1.1. Nằm trong chiến lược phát triển kinh tế vùng của Việt Nam và Trung Quốc

Lạng Sơn và Cao Bằng là hai tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, hiện đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, thậm chí mức sống của nhân dân một số huyện thị tại đây còn rất thấp và lạc hậu. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của các tỉnh biên giới, giúp các tỉnh này nhanh chóng đuổi kịp miền xuôi là mục tiêu lâu dài và nhiệm vụ cấp bách của Đảng và Chính phủ Việt Nam trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2020. Phát triển kinh tế các tỉnh biên giới phía Bắc nói chung, Lạng Sơn và Cao Bằng nói riêng chính là khâu then chốt trong chiến lược phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ của Việt Nam.

Về phía Trung Quốc, Quảng Tây là tỉnh chậm phát triển hơn rất nhiều so với các tỉnh miền Đông. Có thể nói, đây là một thách thức không nhỏ đối với mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện vào năm 2020 của Trung Quốc. Chính vì thế, từ giữa thập kỷ 90 thế kỷ XX, Trung Quốc tìm mọi cách đẩy mạnh tốc độ khai phát miền Tây, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách chênh lệch Đông – Tây, thực hiện chiến lược “cùng giàu có”, được nhấn mạnh qua các kỳ đại hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Quảng Tây hiện đang được coi là trọng tâm cần đầu tư phát triển, nhằm biến tỉnh này thành điểm tăng trưởng mới của Trung Quốc.

Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế vùng, cả Việt Nam và Trung Quốc đều cần khai thông và mở rộng quan hệ hợp

tác kinh tế thương mại giữa các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam và tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Bởi thông qua hợp tác, các khu vực này sẽ có thể phát huy mạnh mẽ và nhanh chóng nhiều khả năng tiềm ẩn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế vùng nói riêng, kinh tế đất nước nói chung.

1.2. Năm trong chương trình hợp tác Hai hành lang một vành đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc

Sau thoả thuận chung của Thủ tướng Chính phủ hai nước (tháng 6-2004), Việt Nam và Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy các chương trình hợp tác Hai hành lang một vành đai, trong khuôn khổ hợp tác Khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc. Nam Ninh (Quảng Tây) và Lạng Sơn là hai đầu mối quan trọng của hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng. Sự hợp tác và phát triển của các vùng phụ cận trong đó có Cao Bằng (Việt Nam) và Sùng Tả (Trung Quốc) là yếu tố không thể thiếu trong quá trình vận hành tuyến hành lang kinh tế nói trên. Đặc biệt, các cặp cửa khẩu Đồng Đăng – Bằng Tường, Tà Lùng – Thủy Khẩu có vị trí quan trọng và sức lan toả rộng lớn đối với các khu vực dọc và phụ cận tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng.

Tăng cường hợp tác với Quảng Tây, các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam như Lạng Sơn, Cao Bằng sẽ đón nhận và khai thác được nhiều lợi thế của các vùng nằm trong chiến lược đại khai phát

miền Tây của Trung Quốc. Ngược lại, Lạng Sơn, Cao Bằng có vị trí hết sức quan trọng đối với mục tiêu vươn ra thị trường Đông Nam Á của Trung Quốc. Có thể nói, Chiến lược “Một trục hai cánh”, được Trung Quốc đưa ra tại Diễn đàn hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ tại Nam Ninh năm 2006 cũng không thể tách khỏi sự vận hành của hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng.

Rõ ràng là, để hiện thực hoá ý tưởng hợp tác Hai hành lang một vành đai kinh tế, cả Việt Nam và Trung Quốc đều hết sức coi trọng mối quan hệ hợp tác kinh tế thương mại giữa các tỉnh biên giới hai nước, trong đó có Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc).

2. Ưu thế và thách thức trong hợp tác thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây

2.1. Ưu thế

2.1.1. Ưu thế lớn nhất trong hợp tác kinh tế biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc nói chung, Lạng Sơn, Cao Bằng nói riêng được thể hiện trước hết ở các yếu tố địa lý, văn hoá và chính trị.

Đường biên giới nối Việt Nam với Quảng Tây dài 637 km, bao gồm 5 cửa khẩu quốc gia loại 1; 7 cửa khẩu quốc gia loại 2 và 25 cặp chợ biên giới. Trong đó, Sùng Tả có đường biên giới dài nhất nối với Việt Nam (530 km), với 3 cửa khẩu quốc gia loại 1; 4 cửa khẩu quốc gia loại 2; 4 cửa khẩu quốc gia loại 4 và

13 cặp chợ biên giới¹. Nhờ vậy, việc buôn bán qua lại giữa hai bên không chỉ nhanh chóng, thuận tiện mà còn tiết kiệm được rất nhiều chi phí vận chuyển.

Từ ngàn đời nay, nhân dân hai vùng biên giới Việt – Trung đã có lịch sử giao lưu, đi lại thường xuyên. Vì thế, các tỉnh nằm dọc biên giới hai nước có rất nhiều điểm tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, dễ hiểu biết và thông cảm lẫn nhau; môi trường học hỏi và sử dụng ngôn ngữ của nhau cũng hết sức rộng mở, thuận lợi.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước XHCN, cùng tiến hành công cuộc đổi mới (cải cách) mở cửa, có nhiều điểm đồng trong quan điểm chính trị và ngoại giao. Việt Nam và Trung Quốc coi nhau là đối tác chiến lược, theo “phương châm 16 chữ” và “phương hướng 4 tốt”, rất có lợi cho quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Bên cạnh đó, về mặt kinh tế, Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây vẫn luôn và còn nhiều tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên, khoáng sản và ngành nghề có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Cao Bằng xuất sang Sùng Tả một số mặt hàng như khoáng sản qua chế biến, nông lâm sản, đồ gỗ và một số đồ thủ công. Sùng Tả xuất sang Cao Bằng hoa quả tươi, thực phẩm, than cốc, linh kiện điện tử, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng công nghiệp... Đây là thế mạnh mà cả hai bên đều có thể tiếp tục khai thác và hợp tác.

2.1.2. Quan hệ thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) đã có quá trình hợp

tác lâu dài và thu được nhiều thành quả đáng khảng định. Như trên đã trình bày, cả Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây đều nằm trong chương trình phát triển trọng điểm đối với các vùng kinh tế nghèo, chậm phát triển của Việt Nam và Trung Quốc. Hơn thế, Lạng Sơn (Việt Nam), Nam Ninh (Trung Quốc) và các vùng phụ cận (bao gồm Cao Bằng, Sùng Tả) lại nằm trong hành lang hợp tác kinh tế nối Nam Ninh với Hải Phòng. Nhiều năm qua, Quảng Tây nói chung, thành phố Sùng Tả nói riêng đã tích cực triển khai các hoạt động giao lưu buôn bán biên giới với hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng của Việt Nam. Theo ông Thôi Trí Hữu, Bí thư Thành uỷ, Chủ nhiệm Uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân thành phố Sùng Tả: trong năm 2007, kim ngạch mậu dịch qua cửa khẩu biên giới Bằng Tường và Sùng Tả đạt 720 triệu USD, chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch mậu dịch Quảng Tây với Việt Nam; năm 2007, thành phố Sùng Tả đã có 13 doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam, kim ngạch đầu tư đạt hơn 50 triệu USD². Để phát huy mạnh hơn nữa tiềm năng và thế mạnh của Quảng Tây, thực hiện ý tưởng nối thông Trung Quốc, trước hết là Quảng Tây với khu vực Đông Nam Á, tháng 1-2008, Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn “Quy hoạch phát triển Khu kinh tế Vịnh Bắc bộ Quảng Tây”. Bản “Quy hoạch” nêu rõ: trong 10 đến 15 năm, Trung Quốc nỗ lực xây dựng Khu kinh tế Vịnh Bắc bộ Quảng Tây thành cực phát triển kinh tế duyên hải mới, đi trước thực hiện mục

tiêu xây dựng xã hội khá giả ở miền Tây. Về phía Việt Nam, sau chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam cũng đã ký quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh đến năm 2020. Những yếu tố trên sẽ là điều kiện hết sức thuận lợi để hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng của Việt Nam và Quảng Tây của Trung Quốc tăng cường hợp tác, bổ sung ưu thế lẫn nhau, cùng có lợi và cùng phát triển.

2.1.3. Chính phủ Việt Nam coi trọng xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu. Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây đã sẵn có mối quan hệ kinh tế thương mại tương đối phát triển trong nhiều năm nay, tạo đà cho sự đi lên mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, khi bối cảnh và điều kiện hợp tác ngày càng rộng mở hơn. Đặc biệt, tính đến năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt xây dựng 8 khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc, trong đó có 3 khu thuộc các cửa khẩu liên quan đến Lạng Sơn và Cao Bằng. Tổng diện tích 8 khu kinh tế này là 1.342 km², dân số khoảng 143,4 nghìn người. Đến năm 2007, 8 khu kinh tế cửa khẩu này đã đóng góp khoảng 85,4% thu ngân sách, 80% thuế nhập khẩu, 59,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 23 khu kinh tế cửa khẩu trên cả nước⁴. Riêng tỉnh Lạng Sơn, từ năm 1997 đến nay đã thực hiện thí điểm một số chính sách ưu đãi thương mại và dịch vụ

thương mại tại một số cửa khẩu biên giới. Tháng 5-2008, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn, do tỉnh Lạng Sơn đề xuất. Trong tương lai, các khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc sẽ phát huy tác dụng rất lớn và thiết thực trong việc thúc đẩy và mở rộng các hoạt động hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước cũng như giữa Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây.

Bên cạnh các hoạt động buôn bán thương mại sôi động và đa dạng, Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây còn thường xuyên tiến hành nhiều hoạt động giao lưu có tính chất bổ trợ khác, có lợi cho mục tiêu phát triển kinh tế thương mại của các vùng ven biên giới. Chẳng hạn, hai bên đã tích cực tổ chức và tham gia hội chợ triển lãm hàng năm tại Hà Nội và Quảng Tây. Các ban ngành hữu quan hai bên đều rất chú trọng đến công tác xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội thảo và diễn đàn hợp tác kinh tế thương mại song phương, tổ chức các đoàn doanh nghiệp khảo sát, tìm hiểu thị trường, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hai bên tìm kiếm cơ hội hợp tác hiện thực.

2.2. Thách thức

2.2.1. Trước hết, cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông của Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và Bằng Tường, Sùng Tả (Trung Quốc) đang có mức chênh lệch lớn. Mặc dù Lạng Sơn là tỉnh có điều kiện hạ tầng tương đối tốt trong các tỉnh

biên giới phía Bắc Việt Nam, song nhiều công trình giao thông, kho tàng, bến bãi phía Bằng Tường, Sùng Tả đã đi trước Lạng Sơn, nhất là Cao Bằng một bước. Điều đó gây một số trở ngại nhất định trong việc khai thông và vận hành đều đặn hoạt động kinh tế thương mại giữa các khu vực ven biên giới hai nước. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin, quảng bá, dự báo thị trường giữa hai khu vực còn rất hạn chế, chưa thoả mãn nhu cầu tìm hiểu, nắm bắt thị trường của doanh nghiệp hai khu vực và hai nước. Đi kèm với điều đó là sự yếu kém, lạc hậu về dịch vụ hỗ trợ thương mại, trên các lĩnh vực như ngân hàng, bảo hiểm, kiểm dịch... gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp hai bên.

2.2.2. Khung pháp lý về hợp tác kinh tế thương mại vùng biên giới chưa hoàn thiện và thiếu tính ổn định. Có thể nói, hoạt động thương mại trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhìn chung còn mang tính tự phát, lộn xộn, thiếu quy định rõ ràng, nghiêm ngặt. Hệ thống văn bản ký kết giữa chính quyền hai bên tuy đầy đủ, nhưng triển khai còn chậm chạp, không đồng bộ, đôi lúc gây thiệt hại không đáng có cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thủ tục thông quan, nhất là công tác kiểm tra, kiểm định còn công kênh, phức tạp, chưa đảm bảo tiêu chí thuận lợi hoá trong thương mại, đơn giản hóa trong thông quan. Những yếu kém kể trên là nguyên nhân gây nên tình trạng buôn lậu, trốn thuế, thậm chí

buôn bán hàng hoá trái quy định của Chính phủ hai nước.

2.2.3. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu giao lưu và phát triển hoạt động kinh tế thương mại giữa hai bên. Nhìn chung, các tỉnh biên giới Việt – Trung còn thiếu rất nhiều chuyên gia kỹ thuật giỏi, các nhà quản lý có kinh nghiệm và các doanh nghiệp có trình độ kinh doanh cao. Đương nhiên, đây là một thách thức không nhỏ, sẽ tồn tại trong thời gian dài, hạn chế rất đáng kể tới tốc độ phát triển kinh tế của mỗi tỉnh biên giới cũng như hiệu quả hợp tác giữa hai bên. Một khó khăn không thể xem nhẹ nữa là cả Lạng Sơn, Cao Bằng lẫn Quảng Tây hiện vẫn đang thiếu đội ngũ những người sử dụng thành thạo ngôn ngữ của đối tác. Điều đó khiến doanh nghiệp hai bên gặp nhiều trở ngại trong khâu thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, thậm chí làm chậm tiến độ của một số hạng mục hợp tác.

3. Một số kiến nghị

Để thúc đẩy mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa quan hệ hợp tác thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây, trong thời gian tới, hai bên cần chú trọng một số mảng công việc như sau:

3.1. Hoàn thiện khung pháp lý và các quy chế cần và đủ nhằm quản lý và hỗ trợ tối ưu cho các hoạt động kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc nói chung, Lạng Sơn, Cao Bằng và Quảng Tây nói riêng. Cả hai bên đều cần

rà soát lại hệ thống văn bản pháp quy về mậu dịch biên giới của mình, sửa đổi, bổ sung những điều khoản phù hợp, có tác dụng thúc đẩy giao lưu kinh tế thương mại biên giới. Chính quyền hai bên cần thường xuyên thông tin cho nhau những thay đổi về chính sách hoặc quy định pháp lý của nước mình, tránh rủi ro, thua thiệt không đáng có cho các doanh nghiệp do không cập nhật thông tin.

3.2. Duy trì các cuộc gặp gỡ định kỳ giữa lãnh đạo cấp tỉnh, thành phố, huyện thị hai bên, nhằm đánh giá tình hình, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các khâu hợp tác; bàn thảo kế hoạch thúc đẩy, mở rộng hợp tác song phương.

3.3. Chính phủ mỗi nước cần hỗ trợ đặc lực về chính sách, ngân sách, nhân lực cho các vùng biên giới. Đặc biệt, trong thời gian tới, chính phủ và các cấp địa phương hai nước nên phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong kế hoạch thành lập và vận hành các khu kinh tế cửa khẩu xuyên biên giới. Trong lĩnh vực này, bên cạnh Lào Cai và Móng Cái, thì Lạng Sơn là một trọng điểm trong việc xây dựng và phát triển khu kinh tế cửa khẩu với Sùng Tả, Bằng Tường.

3.4. Chú trọng nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, kho tàng, bến bãi, đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động kinh tế thương mại giữa Lạng Sơn, Cao Bằng với Quảng Tây (trọng tâm là Sùng Tả). Bên cạnh đó, hai bên cần sớm hoàn thiện hệ thống dịch vụ

hỗ trợ thương mại, đơn giản hoá thủ tục thông quan, ngân hàng, kiểm định hàng hóa...

3.5. Tích cực kêu gọi đầu tư nước ngoài và đầu tư của các tỉnh, thành phố nội địa để bổ sung điểm yếu cho Lạng Sơn, Cao Bằng và Sùng Tả. Mỗi bên cần xác định rõ ràng và phát huy mạnh mẽ thế mạnh độc đáo của mình, từ đó thu hút các luồng vốn, kỹ thuật bên ngoài để vừa phát triển nội lực, vừa hợp tác đẩy mạnh hoạt động kinh tế thương mại tại các khu vực kinh tế cửa khẩu xuyên biên giới.

3.6. Đẩy mạnh hơn nữa lĩnh vực hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Lạng Sơn, Cao Bằng và Sùng Tả. Cụ thể là:

Thứ nhất, dựa vào kinh phí địa phương, đồng thời tranh thủ sự trợ giúp của tổ chức Hán ban (汉办) thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc để mở trung tâm đào tạo tiếng Trung Quốc tại Lạng Sơn và trung tâm đào tạo tiếng Việt tại Sùng Tả;

Thứ hai, ưu tiên kinh phí đào tạo cán bộ kỹ thuật, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp giỏi. Hai bên nên lập chương trình hỗ trợ đào tạo cán bộ cho nhau, tổ chức các chuyến nghiên cứu khảo sát thị trường của nhau, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động hợp tác kinh tế thương mại song phương;

Thứ ba, nên chăng, Lạng Sơn, Cao Bằng và Sùng Tả cần dành một khoản kinh phí nhất định để tiến hành một vài

công trình nghiên cứu sâu, có tính hệ thống về văn hoá, con người, phong tục tập quán; chính sách, pháp luật; thị trường kinh doanh... của nhau, nhằm hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn về đối tác. Trên cơ sở đó, có thể định hình và hoàn chỉnh các hạng mục hợp tác hiệu quả hơn, thực tế hơn, không chỉ về kinh tế thương mại mà cả trong các lĩnh vực khác.

3.7. Tăng cường công tác giữ gìn và bảo vệ an ninh, trật tự biên giới; bảo vệ môi trường hoà bình, ổn định vì quan hệ và mục tiêu phát triển lâu dài của khu vực biên giới và hai nước. Cần tránh các xung đột đáng tiếc, làm tổn hại đến lợi ích và tình cảm của nhân dân hai khu vực biên giới.

Nói tóm lại: thúc đẩy và phát triển hợp tác thương mại giữa hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) với Quảng Tây (Trung Quốc) là nhiệm vụ và mục tiêu vừa cấp bách, vừa lâu dài của hai nước. Nó không chỉ tác động trực tiếp đến sự phát triển, lớn mạnh về kinh tế – xã hội của các tỉnh biên giới, mà còn góp phần rất quan trọng vào chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện, bền vững giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong bối cảnh mới, các tỉnh biên giới hai nước cần tích cực tìm tòi các phương thức tối ưu, tranh thủ sự ủng hộ, trợ giúp về chính sách và kinh phí của Trung ương, khai thác tối đa nguồn lực và ưu thế của địa phương, đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại

biên giới lên một trình độ mới cao hơn, phù hợp với quan hệ quốc tế và khu vực trong bối cảnh mới.

CHÚ THÍCH:

1.Theo:http://www.guangxi.net.cn/jjyw/jvn_gx/jjyw_gx_jjyw/200711/t20071101_14599htm
<http://www.59766.cn/guangxi/cityhtm/zhongzuiohi.html>

2. Bài phát biểu của Bí thư thành uỷ, Chủ nhiệm uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân thành phố Sùng Tả tại Diễn đàn hợp tác kinh tế cửa khẩu Trung – Việt (Sùng Tả Quảng Tây – Lạng Sơn, Cao Bằng Việt Nam), ngày 2-4-2008, tại Hà Nội.

3. Nguyễn Bá Ân: *Một số giải pháp về quy hoạch xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc* (Tham luận tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế cửa khẩu Trung – Việt (Sùng Tả Quảng Tây – Lạng Sơn, Cao Bằng Việt Nam), ngày 2-4-2008, tại Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện KHXH Việt Nam, UBND thành phố Hải Phòng (2007): *Phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Việt – Trung trong khuôn khổ hợp tác ASEAN – Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

2. Viện KHXH Việt Nam, UBND tỉnh Lào Cai (2007): *Kỷ yếu hội thảo: Các giải pháp phát triển hai hành lang một vành*

đai kinh tế Việt Nam – Trung Quốc trong bối cảnh mới

3. Các bài tham luận tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế cửa khẩu Trung – Việt (Sùng Tả Quảng Tây – Lạng Sơn, Cao Bằng Việt Nam), ngày 2-4-2008, tại Hà Nội

4. Viện KHXH Việt Nam, UBND tỉnh Lào Cai (2006): *Hợp tác phát triển hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng vai trò của Lào Cai*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

5. Cổ Tiểu Tùng (2005): *Xây dựng vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ, độ sâu hợp tác hữu nghị Trung – Việt*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1

6. Nguyễn Văn Lịch (2005): *Mở cửa phát triển hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 6

7. Hồ Quốc Phi (2006): *Phát huy lợi thế so sánh đẩy mạnh quan hệ biên mậu của 7 tỉnh biên giới phía Bắc với Trung Quốc và của tỉnh Cao Bằng với Long Châu – Quảng Tây*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 3

8. Vũ Dương Ninh – chủ biên (2007): *Đông Nam Á truyền thống và hội nhập/ Phùng Thị Huệ: Hành lang kinh tế Việt Nam – Trung Quốc cơ chế mở rộng hợp tác Trung Quốc – ASEAN*, Nxb Thế giới.

9. 广西北部湾经济区规划建设管理委员会办公室(2008): *关系北部湾经济区发展规划 (2006-2020)*

10. *十六大以后的中国* (2002), 人民出版社

11. *中国的发展战略和基本国策* (2008), 中共中央党校出版社

12. 许宁宁 (编著): *中国 – 东盟自由贸易区*, 红旗出版社